

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng cấp,
mở rộng Bệnh viện Nhi thành Bệnh viện Phụ sản – Nhi Quảng Nam
tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Nhi thành Bệnh viện Phụ sản – Nhi Quảng Nam tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Nhi thành Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam tại 46 Lý Thường Kiệt, phường Hòa Thuận, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 332/BVPSN-HCQT ngày 29/10/2020 của Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 881/TTr-STNMT ngày 30 tháng 11 năm 2020 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Nhi thành Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam với diện tích 20.777 m² tại phường Hòa Thuận, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là dự án) do Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam làm Chủ dự án với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường

2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (nếu có) của Dự án.

4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương; Chủ tịch UBND thành phố Tam Kỳ; Chủ tịch UBND phường Hòa Thuận; Giám đốc Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Nhi thành Bệnh viện Phụ sản – Nhi Quảng Nam tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC05;
- Phòng TN&MT thành phố Tam Kỳ;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NÂNG CẤP, MỞ RỘNG BỆNH VIỆN NHI THÀNH BỆNH VIỆN PHỤ SẢN – NHI QUẢNG NAM

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2020
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Các thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Nhi Quảng Nam thành Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam.
- Chủ dự án: Bệnh viện Phụ sản - Nhi tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ liên hệ: 46 Lý Thường Kiệt, phường Hòa Thuận, Tam Kỳ, Quảng Nam.
- Địa điểm thực hiện Dự án: 46 Lý Thường Kiệt, phường Hòa Thuận, Tam Kỳ, Quảng Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Phạm vi dự án: thực hiện trên khu đất có diện tích 20.777 m² tại 46 Lý Thường Kiệt, phường Hòa Thuận, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; có ranh giới được xác định như sau:
 - Phía Đông - Bắc: Giáp đường Lý Thường Kiệt.
 - Phía Đông - Nam: Giáp đường Trần Quý Cáp.
 - Phía Tây - Nam: Giáp đường Lê Cơ .
 - Phía Tây - Bắc: Giáp đường Đặng Văn Ngữ.
- Quy mô của dự án: 450 giường bệnh (Khối nhà nhi: 300 giường bệnh; khối nhà sản: 150 giường bệnh).

1.3. Các hạng mục chính của Dự án:

- Đầu tư xây dựng khối nhà nhi: quy mô 300 giường bệnh, nhà 08 tầng, diện tích xây dựng 807 m², tổng diện tích sàn 6.562 m².
- Đầu tư xây dựng khối nhà sản: quy mô 150 giường bệnh, nhà 06 tầng, diện tích xây dựng 1.200 m², tổng diện tích sàn 5.714 m².
- Đầu tư xây dựng khối nhà kỹ thuật nghiệp vụ: quy mô nhà 04 tầng, diện tích xây dựng 641 m², tổng diện tích sàn 2.528 m².
- Nâng cấp trạm biến áp từ 100 kVA lên 1.000 kVA, bổ sung đường dây trung thế và hạ thế.
- Đầu tư hệ thống thang máy, máy điều hòa, máy phát điện dự phòng, hệ thống khí y tế.
- Đầu tư xây dựng hệ thống chất thải y tế bao gồm:
 - + Hệ thống xử lý nước thải 300 m³/ngày.đêm.
 - + Tuyến ống thu gom nước thải.

+ Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế: Nhà chứa chất thải rắn, phương tiện phân loại chất thải, phương tiện vận chuyển, thiết bị lưu giữ và phụ trợ, phương tiện BHLĐ.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

a) Trong giai đoạn xây dựng: dự án nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Nhi thành Bệnh viện Phụ Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam đã hoàn thành thi công xây dựng nên trong báo cáo không đánh giá tác động trong giai đoạn xây dựng.

b) Trong giai đoạn hoạt động:

- Đối với môi trường không khí: tiếng ồn, bụi, khí thải, mùi hôi.
- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải: chất thải lây nhiễm, chất thải nguy hại không lây nhiễm, chất thải y tế thông thường.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi thải: Hoạt động của các phương tiện vận tải sẽ thải ra lượng khói thải chứa các chất ô nhiễm như bụi khói, NO₂, CO, CO₂ do đốt cháy nhiên liệu xăng và dầu diesel trong động cơ và phát tán bụi đất do bụi cuốn lên từ nền đường
- Khí thải từ các hoạt động khám chữa bệnh: Các chất hữu cơ bay hơi như: Aceton, Este, Formandehit, Phenol, Benzen, Clo, Iot, HCl,.. phát sinh từ quá trình khám chữa bệnh, lưu giữ bệnh phẩm, xét nghiệm, khử trùng, lưu giữ hóa chất xét nghiệm và các công tác khác.
- Khí thải, mùi hôi từ vị trí tập kết chất thải rắn, từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh ra các khí gây mùi khó chịu từ việc lên men phân hủy của các chất hữu cơ. Trong đó các khí gây mùi chủ yếu là NH₃, H₂S, CH₄.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải bệnh viện: với quy mô 450 giường bệnh thì lượng nước thải là 282,6 m³/ngày.đêm.
- Nước mưa chảy tràn: lưu lượng tính toán thoát nước mưa tại bệnh viện phải đảm bảo với lưu lượng thoát nước mưa 425,15 (lít/s).

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

a) Chất thải lây nhiễm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn là chất thải lây nhiễm có thể gây ra các vết cắt hoặc xuyên thủng bao gồm: kim tiêm; bơm liềm kim tiêm; đầu sắc nhọn của dây truyền; kim chọc dò; kim châm cứu; lưỡi dao mổ; đinh, cưa dùng trong phẫu thuật và các vật sắc nhọn khác.

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm: Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly.

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao bao gồm: Mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm phát sinh từ các phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp III trở lên.

+ Chất thải giải phẫu bao gồm: Mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ và xác động vật thí nghiệm.

+ Khối lượng chất thải lây nhiễm 184 kg/tháng.

b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm:

+ Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại.

+ Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.

+ Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng.

+ Chất hàn răng amalgam thải bỏ.

+ Chất thải nguy hại khác theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại như bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau chứa dầu, pin, ắc quy hỏng, vỏ bình mực in...

+ Khối lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm 740 kg/tháng

c) Chất thải y tế thông thường:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người và chất thải ngoại cảnh trong cơ sở y tế.

+ Chất thải rắn thông thường phát sinh từ cơ sở y tế không thuộc Danh mục chất thải y tế nguy hại hoặc thuộc Danh mục chất thải y tế nguy hại quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường nhưng có yếu tố nguy hại dưới ngưỡng chất thải nguy hại.

+ Sản phẩm thải lỏng không nguy hại.

+ Khối lượng chất thải y tế thông thường 482 kg/ngày

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Trong giai đoạn xây dựng: dự án nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Nhi thành Bệnh viện Phụ Sản – Nhi tỉnh Quảng Nam đã hoàn thành thi công xây dựng nên trong báo cáo không nêu các công trình biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn này.

3.2. Trong giai đoạn hoạt động:

3.2.1. Về xử lý bụi và khí thải

a) Đối với phương tiện vận chuyển:

- Bố trí các khu vực đậu đỗ xe ô tô, xe máy chở bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, xe của CBNV hợp lý, xây dựng nội quy đậu đỗ xe nhằm tránh ảnh hưởng của khói thải, bụi đất, tai nạn giao thông do các phương tiện này gây ra.

- Quy định thời gian, địa điểm tập kết rác thải sinh hoạt và rác thải y tế của các xe thu gom rác hợp lý, tránh ảnh hưởng từ mùi hôi do quá trình phân hủy rác thải tác động đến môi trường xung quanh.

b) Đối với máy phát điện dự phòng:

- Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp (S= 0,05%).

- Đã bố trí máy phát điện tại vị trí tách biệt.
- Đã xây dựng phòng riêng để máy phát điện và cách âm và lót đệm chống rung.
- Sử dụng máy phát điện hiện đại, công suất 1.000 kVA, chất lượng mới 100%, loại có bộ phận xử lý khí thải và giảm âm. Chân đế, bệ máy được gia cố bằng bê tông chịu lực cao và lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su, thiết bị cách âm.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ theo quy định của nhà sản xuất.

c) Mùi hơi từ các dung môi hữu cơ bay hơi (côn, etc,...) trong quá trình điều trị và từ các loại thuốc, chất sát trùng:

- Hơi hóa chất, dung môi hữu cơ bay hơi,... sinh ra từ các khu vực phòng khám, điều trị, phòng thanh trùng, phòng xét nghiệm,... sẽ được kiểm soát ở mức cho phép bằng cách trang bị hệ thống thông gió, hoạt động liên tục nhằm tăng khả năng trao đổi khí sạch với bên ngoài.

- Đối với mùi hôi của các loại thuốc: trong quá trình hoạt động bệnh viện sẽ bố trí kho hóa chất thường và kho hóa chất độc hại riêng biệt. Quy trình lưu trữ, xuất dược phẩm tại Kho hóa chất độc hại của bệnh viện luôn tuân thủ đúng theo các quy chế bệnh viện của Bộ Y tế. Tăng cường công tác vệ sinh bệnh viện, lau, rửa thường xuyên tại những nơi phát sinh mùi hôi.

- Các loại quạt hút cưỡng bức, hệ thống thông gió, điều hòa được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, khi có sự cố phải sửa chữa và lắp đặt thay thế ngay đảm bảo khí sạch luôn được cung cấp đầy đủ trong toàn bộ bệnh viện, tạo sự thông thoáng, dễ chịu cho cán bộ công nhân viên và người dân đến thăm, khám và chữa bệnh tại bệnh viện.

d) Khí thải, mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải, nhà vệ sinh, vị trí tập kết chất thải rắn:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung:
 - + Điều chỉnh lượng khí sục vào bể điều hòa, cụm bể sinh học hợp lý để đảm bảo không có quá trình kỵ khí diễn ra thuận lợi.
 - + Trong hệ thống xử lý nước thải có bố trí đường thu gom khí tại bể thiếu khí (Anoxic) và bể hiếu khí (Oxic) về tháp khử mùi bằng phương pháp hấp thụ.
 - + Thu gom và xử lý bùn đúng định kỳ.
 - + Chủ dự án sẽ bổ sung biện pháp bổ sung định kỳ chế phẩm sinh học tại các bể xử lý để tăng hiệu quả xử lý cho hệ thống.
- Đối với các khu nhà vệ sinh:
 - + Lắp đặt các hệ thống hút khí cưỡng bức với các quạt và các miệng hút bố trí trên trần các nhà vệ sinh, trang bị hệ thống vệ sinh cao cấp và thường xuyên dọn vệ sinh, khử mùi đảm bảo vệ sinh sạch sẽ.
 - + Bố trí nhân viên thường xuyên lau chùi, dọn dẹp sạch sẽ các khu nhà vệ sinh.
- Đối với khu tập trung chất thải rắn:

+ Khu vực nhà chứa chất thải nguy hại được bố trí cách xa và cách ly với các khu vực khác trong bệnh viện, đặc biệt cách xa với các khu phòng khám, khu chữa bệnh. Nhà lưu trữ CTR nguy hại được bố trí xây dựng kiên cố, tường bao xung quanh, mái lợp tôn và có cửa ra vào.

+ Các loại CTR y tế thu gom về nhà lưu trữ CTR đều được chứa trong các bao ny lông, sau đó được lưu trữ trong các thùng nhựa đựng rác có nắp đậy nhằm giảm thiểu tối đa mùi hôi phát sinh ra bên ngoài.

+ Bệnh viện đã hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển và xử lý với tần suất 01 ngày/lần nhằm hạn chế sự phân hủy các chất hữu cơ trong rác thải gây ô nhiễm môi trường không khí tại bệnh viện.

f) Cây xanh, cảnh quan:

Đất công viên, cây xanh và sân vườn được quy hoạch 6.417 m², chiếm tỷ lệ 30,89 % diện tích toàn bệnh viện. Hiện nay tại bệnh viện:

- Đã trồng cây xanh để tạo bóng mát, điều hòa khí hậu, đồng thời tạo cảnh quan cho bệnh viện.

- Đã bố trí chủ yếu là cây xanh tạo bóng mát xung quang bệnh viện, trong các bồn hoa và các khoảng đất trống để tạo cảnh quan cho bệnh viện.

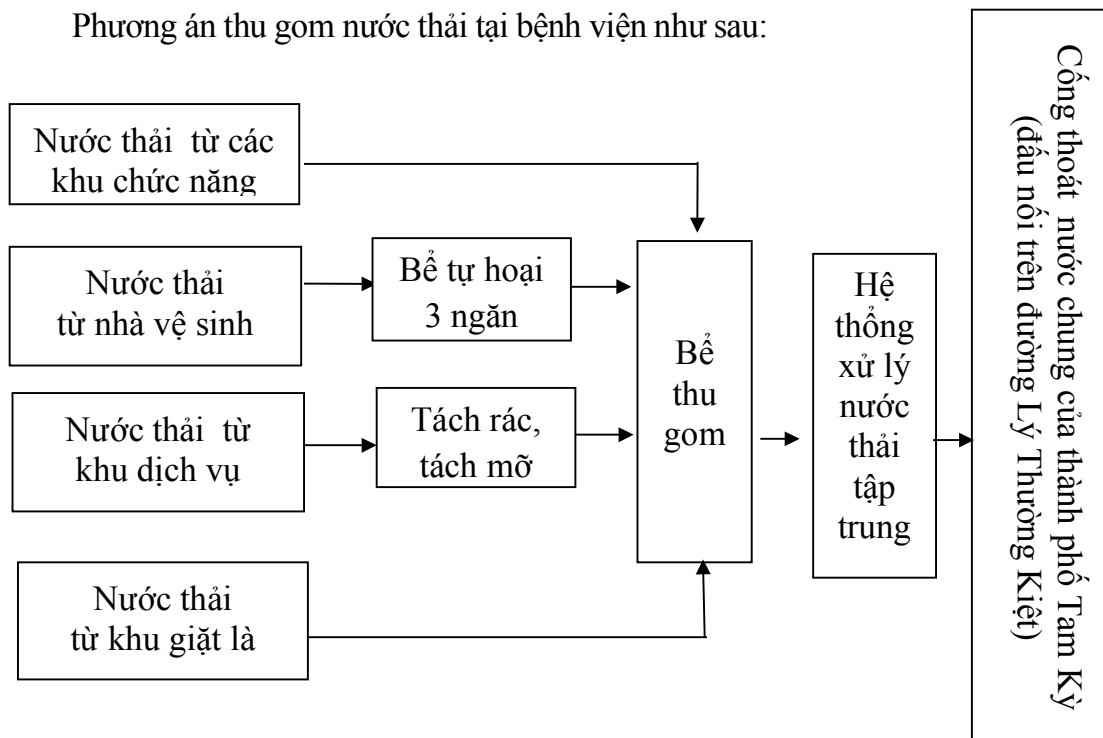
- Đã xây dựng kế hoạch trồng mới và bảo dưỡng cây xanh hiện có.

3.2.2. Về thu gom và xử lý nước thải:

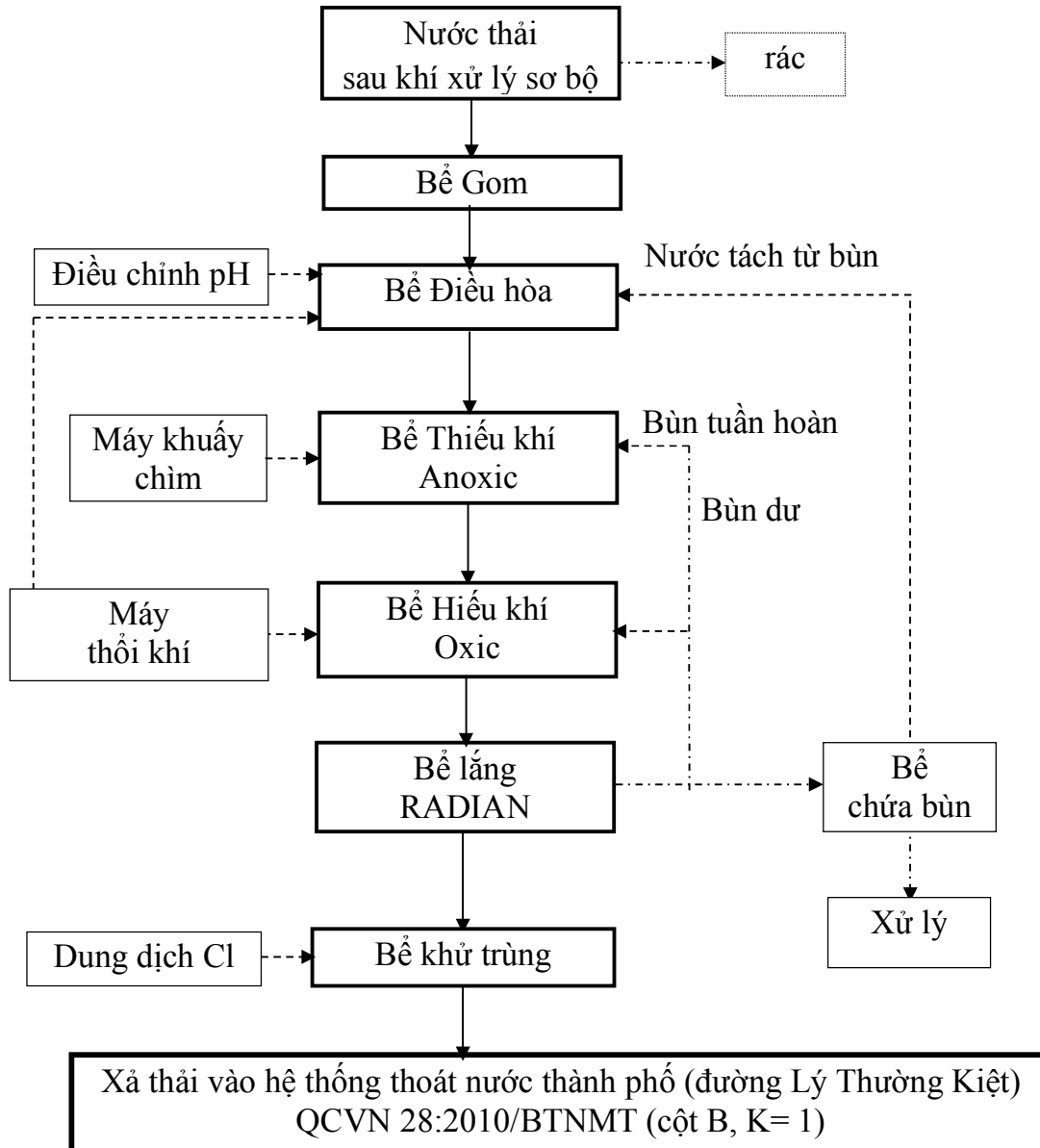
a) Phương án thu gom nước thải tại bệnh viện:

Nước thải của bệnh viện đã được phân chia thành 2 dòng thải, nước thải được xử lý sơ bộ trước khi đưa về hệ thống xử lý tập trung của bệnh viện. Nước thải sau khi xử lý được đầu nối vào mạng thu nước thải trên đường Lý Thường Kiệt.

Phương án thu gom nước thải tại bệnh viện như sau:



b) Hệ thống xử lý xử lý nước thải y tế tập trung như sau:



- Hệ thống đường ống thu gom nước thải riêng.
- Hệ thống xử lý nước thải y tế tập trung với công suất thiết kế là 300 m³/ngày.đêm.
- Công nghệ xử lý AO kết hợp với lắng Radian
- Nước thải bệnh viện sau xử lý phải đạt quy chuẩn môi trường QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi thải vào cống thoát nước chung trên đường Lý Thường Kiệt.

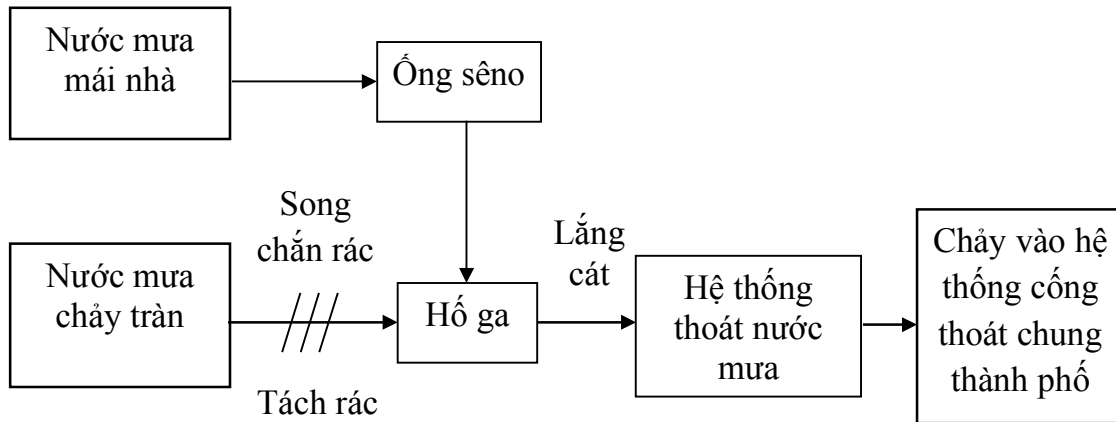
c) Về xử lý nước mưa:

- Hệ thống thu gom nước mưa được bố trí mương thoát nước mưa dọc các tuyến đường nội bộ, dọc hệ thống mương có đặt các hố ga để thu nước mưa, lắng

cát và cặn. Nước mưa sau khi tách rác và lắng cặn sẽ được thoát vào hệ thống cống thoát nước chung trên đường Lý Thường Kiệt.

- Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam định kỳ tổ chức nạo vét bùn cặn trên hệ thống mương thoát nước nội bộ để hạn chế bồi lắng, tắc nghẽn và phát sinh mùi hôi thối đồng thời đảm bảo thoát nước tốt, đặc biệt trong mùa mưa.

Sơ đồ thu gom và xử lý nước mưa tại bệnh viện:



3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR và CTNH:

- Quy định màu sắc các túi, hộp và thùng đựng các chất thải y tế quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải y tế như sau:

- + Thùng nhựa màu vàng: chứa chất thải lây nhiễm;
- + Thùng nhựa màu đen: chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm;
- + Thùng nhựa màu xanh: chứa chất thải y tế thông thường;
- + Thùng nhựa màu trắng: chứa chất thải tái chế.

- Nhà chứa và tập kết rác thải có diện tích là 60 m², có mái che và tường xây kín.

3.2.4. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường:

a) Các biện pháp phòng chống cháy nổ:

- Đối với các chất dễ gây cháy nổ như xăng, gas sẽ được lưu trữ và sử dụng theo đúng hướng dẫn quy định, đặt cách xa các nguồn có khả năng phát tia lửa.

- Quy hoạch lối đi giành cho xe cứu hỏa đảm bảo có thể tới chân các công trình.

- Giải pháp thiết kế hệ thống chữa cháy trong Bệnh viện:

- + Bố trí hệ thống báo cháy tự động trong mỗi khu điều trị;
- + Xây dựng bể chứa nước chữa cháy có dung tích tối thiểu 100 m³;
- + Thiết kế đường ống tiếp nước từ hồ điều hòa bên cạnh bệnh viện vào bể chứa nước chữa cháy;
- + Thiết kế trạm bơm nước chữa cháy bao gồm: 01 máy bơm chính và 01 máy bơm dự phòng khi có sự cố hư hỏng xảy ra;
- + Bố trí các họng chữa cháy và các hộp chữa cháy bên ngoài;
- + Bố trí các bình chữa cháy dạng bột và khí CO₂ tại các nơi không thể chữa cháy bằng nước như phòng điều khiển, tủ điện;
- + Tại nơi đặt dụng cụ chữa cháy có dán hướng dẫn sử dụng đính kèm.
- Định kỳ kiểm tra tình trạng kỹ thuật của các dụng cụ chữa cháy.

b) Phòng ngừa và ứng phó sự cố do thiên tai, biến đổi khí hậu:

- Chủ dự án sẽ tiến hành thành lập đội phòng chống thiên tai, ứng cứu, cứu hộ tại chỗ. Đồng thời, tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ để phòng chống, ứng cứu có hiệu quả khi sự cố thiên tai xảy ra.
- Xây dựng phương án phòng chống thiên tai trước mỗi mùa mưa bão.
- Vào mùa mưa bão, sẽ thường xuyên liên lạc với Ban chỉ huy phòng chống lụt bão tại địa phương để cập nhật thông tin, trao đổi kinh nghiệm và phối hợp triển khai các phương án phòng chống bão.
- Sau khi có bão hoặc ngập lụt, Chủ dự án nhanh chóng tổ chức dọn vệ sinh, sửa chữa khôi phục các công trình hư hỏng (nếu có); đồng thời phối hợp với trạm y tế phường tổ chức phun thuốc, khử trùng để phòng chống dịch bệnh.

c) Phòng chống sét:

- Lắp đặt hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của khu vực bệnh viện.
- Lắp đặt hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ theo đúng tiêu chuẩn quy định (Tiêu chuẩn 20 TCN 46-84 của Bộ xây dựng - Điện trở suất của đất là $< 5.10^4 \text{ } \Omega$).

d) Sự cố nhiễm khuẩn bệnh viện (NKBV):

- Thiết lập hệ thống giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Thiết lập các điều kiện thiết yếu cho giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Xây dựng và hoàn thiện các bước triển khai và giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

e) Xử lý khi hệ thống xử lý nước thải tạm ngưng hoạt động:

- Tận dụng bể xử lý cũ 100 m³ làm bể ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải bệnh viện. Bể xử lý cũ sát với hệ thống xử lý nước thải mới, khi có sự cố nước thải đầu ra của hệ thống mới được bơm trực tiếp vào bể cũ và đồng thời bổ sung men vi sinh để xử lý tạm thời, bệnh viện có trách nhiệm khắc phục ngay sự cố để sớm đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trong quá trình thiết kế, hệ thống xử lý nước thải đã được tính toán kích thước các bể phù hợp với công suất thiết kế của nước thải. Kết cấu công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn không để nước thải rò rỉ làm ảnh hưởng đến mạch nước ngầm, nước sông.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị, máy móc (máy bơm, máy thổi khí, bơm định lượng,...).

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, hệ thống điện động lực và điều khiển của từng hạng mục được thiết kế độc lập, đảm bảo khi tiến hành tháo lắp, sửa chữa thiết bị hư hỏng không làm ảnh hưởng đến các thiết bị khác.

- Trong quá trình vận hành tổ chức vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị định kỳ để kịp thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố.

- Định kỳ phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình.

- Khi mất điện lưới sẽ sử dụng máy phát điện dự phòng để cung cấp điện cho hệ thống hoạt động bình thường.

- Khi máy móc thiết bị hỏng hóc thì phải tiến hành kiểm tra và thay thế kịp thời để hệ thống hoạt động ổn định, định kỳ kiểm tra để đảm bảo an toàn cho hệ thống xử lý.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án được thể hiện ở bảng sau:

TT	Tên công trình	Số lượng	Công suất
I	Hạng mục BVMT của dự án đầu tư xây dựng các công trình (sản, nhi, kỹ thuật)		
1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	01 hệ thống	
2	Hệ thống PCCC	01 hệ thống	
3	Hệ thống nhà vệ sinh và bể tự hoại	20 hệ thống	
4	Hệ thống bảo đảm an toàn của các phòng X-quang	01 hệ thống	
5	Cây xanh và cảnh quan công viên	6.417 m ²	
II	Hạng mục BVMT của dự án hỗ trợ xử lý chất thải y tế		
1	Xây dựng và thiết bị hệ thống xử lý nước thải	01 hệ thống	300 m ³ /ngày.đêm
2	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	01 hệ thống	

TT	Tên công trình	Số lượng	Công suất
3	Nhà chứa rác thải	01 cái	60 m ²
4	Thùng chứa chất thải rắn (các thùng nhựa, thùng composite chứa rác, khu lưu trữ chất thải rắn)	60 cái	

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu giám sát	Vị trí giám sát	Tần suất giám sát	Cơ sở so sánh, đánh giá
Giai đoạn dự án đi vào hoạt động					
1	Giám sát nước thải	pH, TSS, COD, BOD ₅ , Sunfua (theo H ₂ S), NH ₄ ⁺ -N, NO ₃ ⁻ -N, PO ₄ ³⁻ -P, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.	- 01 điểm tại vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung	03 tháng/lần	QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K=1)
2	Giám sát CTR	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTR	Toàn bộ bệnh viện thông qua sổ sách theo dõi.	Thường xuyên	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP
3	Giám sát chất thải y tế	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý chất thải y tế nguy hại	Toàn bộ bệnh viện thông qua sổ sách theo dõi.	Thường xuyên	Thông tư liên Bộ số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT
4	Giám sát CTNH	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTNH	- Toàn bộ bệnh viện, thông qua sổ sách theo dõi.	Thường xuyên	Thông tư số 36/2015/BTNMT

6. Trách nhiệm của Chủ dự án:

6.1. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

6.2. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

6.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Tam Kỳ để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.5. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

6.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Tam Kỳ trước khi bắt đầu tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Sau khi kết thúc thời gian vận hành thử nghiệm phải thông báo kết quả hoàn thành về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và Thành phố Tam Kỳ để được theo dõi, giám sát.

6.7. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND Thành phố Tam Kỳ để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vận hành chính thức.

6.8. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại Điểm 4 Khoản 7 Điều 1 tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

7. Các điều kiện liên quan kèm theo:

7.1. Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

7.2. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 24/2/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.3. Xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án được xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K=1); thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, bảo đảm đạt các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường.

7.4. Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

7.5. Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

7.6. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho Dự án.

7.7. Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7.8. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.